

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM KHI HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO LIÊN MINH CHÂU ÂU – VIỆT NAM CÓ HIỆU LỰC

Ths. Phạm Thị Dự,⁸⁵

Khoa Kinh tế - Luật, Đại học Thương mại

Đặt vấn đề

Liên minh châu Âu (EU) là đối tác có vị thế rất quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, thương mại của Việt Nam. Các mặt hàng xuất khẩu (XK) chủ yếu của Việt Nam sang thị trường EU vẫn là sản phẩm truyền thống, có thể mạnh như hàng dệt may, giày dép các loại, nông – lâm – thủy sản, máy vi tính... Các doanh nghiệp XK kỳ vọng EVFTA dự kiến có hiệu lực vào năm 2018 sẽ giúp XK của Việt Nam sang EU ước tăng 50% vào năm 2020. Mặt hàng nhập khẩu (NK) vào Việt Nam từ EU chủ yếu là các sản phẩm trong nước chưa sản xuất được hoặc còn thiếu như: máy móc, thiết bị, dụng cụ, dược phẩm, sữa và sản phẩm từ sữa,... Đặc điểm nổi bật trong cơ cấu thương mại giữa hai bên là tính bổ sung lớn về lợi thế và nhu cầu xuất nhập khẩu, ít mặt hàng mang tính đối đầu, cạnh tranh trực tiếp. Đây chính là lý do khiến EVFTA luôn được tin tưởng sẽ mang lại lợi ích kinh tế to lớn cho doanh nghiệp (DN) và người dân của cả hai bên. Trong giai đoạn tới, EU tiếp tục sẽ là thị trường XK lớn và tiềm năng của nhiều hàng hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra những khái quát về EVFTA, các cam kết về thương mại hàng hóa trong khuôn khổ EVFTA, chỉ ra những cơ hội và thách thức đối với thương mại hàng hóa Việt Nam khi EVFTA có hiệu lực, từ đó đề xuất một số biện pháp tận dụng tối đa lợi ích khi EVFTA được thực thi.

1. Khái quát về EVFTA và các cam kết về thương mại hàng hóa

1.1. Khái quát về EVFTA

Việt Nam – EU bắt đầu khởi động đàm phán EVFTA từ tháng 6/2012. Sau 14 vòng đàm phán, ngày 02/12/2015 hai bên đã tuyên bố kết thúc cơ bản việc đàm phán các nội dung của Hiệp định theo đúng trình tự dự kiến. Sau khi

⁸⁵Địa chỉ email: duphamvuc@gmail.com; Điện thoại: 0986383046

ký kết, EVFTA sẽ còn phải trải qua bước phê chuẩn tại Quốc hội của Việt Nam và Nghị viện châu Âu trước khi chính thức được áp dụng.

EVFTA là một HĐTM thế hệ mới với mức độ hội nhập sâu rộng và toàn diện nhất từ trước tới nay. Khác với các HĐTM trước đây, HĐTM thế hệ mới này có một số đặc điểm chính: Phạm vi cam kết rộng: thực thi cam kết gắn với phát triển bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường, không chỉ bao gồm các cam kết thương mại thuần túy mà mở rộng thêm những cam kết khác như lao động, DN nhà nước, mua sắm công, giải quyết tranh chấp,...Mức độ mở cửa sâu rộng hơn so với WTO: xóa bỏ hầu hết các dòng thuế, mở cửa mạnh các lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh,... Hiệp định đề cập nhiều cam kết về thể chế pháp lý: với yêu cầu về đổi mới chính sách, thể chế trong thực thi các cam kết (vai trò của nhà nước, quyền lợi của đầu tư nước ngoài, đối xử bình đẳng,...). Lộ trình thực thi cam kết tương đối ngắn: thông thường khoảng từ 5 - 10 năm. EU là đối tác thương mại mạnh với trình độ, năng lực cao, nền kinh tế và hệ thống luật pháp hiện đại.

Đối với Việt Nam, việc thực hiện EVFTA là bước đi quan trọng nhằm đa dạng hóa đối tác thương mại - đầu tư, đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, tránh phụ thuộc vào một khu vực cụ thể. Giai đoạn năm 2010 trở về trước, có thể thấy, hầu hết các FTA mà Việt Nam tham gia đều với các đối tác trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương như: HĐTM tự do mà Việt Nam cùng ASEAN ký với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, Niu Dilan... Từ năm 2010 trở lại đây, Việt Nam đã tích cực thúc đẩy đàm phán các thỏa thuận thương mại tự do với đối tác ở nhiều khu vực khác nhau như EU, CPTPP, trong đó có một số nước châu Mỹ; Liên minh Kinh tế Á - Âu trong đó có Nga; khối các nước Bắc Âu (EFTA) trong đó có Na Uy, Thụy Sĩ... Các thỏa thuận này, khi được thực hiện, sẽ tạo thành một hệ thống quan hệ thương mại tự do toàn diện và ổn định giữa Việt Nam với tất cả các đối tác thương mại lớn trên thế giới.

1.2. Các cam kết về thương mại hàng hóa trong khuôn khổ EVFTA

a. Cam kết mở cửa thị trường hàng hóa của EU

- EU cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi EVFTA có hiệu lực đối với hàng hóa của Việt Nam thuộc 85,6% số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương 70,3% kim ngạch XK của Việt Nam vào EU.

- Trong vòng 7 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, EU cam kết xóa bỏ 99,2% số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương 99,7% kim ngạch XK của Việt Nam vào EU. Đối với 0,3% kim ngạch XK còn lại (bao gồm: một số sản phẩm gạo, ngô ngọt, tỏi, nấm, đường và các sản phẩm chứa hàm lượng đường cao, tinh bột sắn, cá ngừ đóng hộp), EU cam kết mở cửa cho Việt Nam theo hạn ngạch thuế quan với thuế NK trong hạn ngạch là 0%.

Bảng 1: Tổng hợp cam kết mở cửa của EU đối với một số nhóm hàng hóa quan trọng của Việt Nam

Sản phẩm	Cam kết của EU
Dệt may	42,5% số dòng thuế xóa bỏ ngay. Số còn lại xóa bỏ theo lộ trình từ 3 đến 7 năm. Lưu ý: Quy tắc xuất xứ: Phải sử dụng vải sản xuất tại Việt Nam. Đặc biệt: được phép sử dụng vải sản xuất tại Hàn Quốc (vì Hàn Quốc là nước đã có FTA song phương với EU)
Giày dép	37% số dòng thuế xóa bỏ ngay. Số còn lại xóa bỏ theo lộ trình từ 3 đến 7 năm
Gỗ và sản phẩm gỗ	83% số dòng thuế xóa bỏ ngay. 17% xóa bỏ theo lộ trình từ 3 đến 5 năm
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	74% số dòng thuế xóa bỏ ngay. Số còn lại xóa bỏ theo lộ trình từ 3 đến 5 năm
Thủy sản (trừ cá ngừ đóng hộp và cá viên)	Xóa bỏ thuế quan trong vòng 7 năm
Cá ngừ đóng hộp và cá viên	Hạn ngạch thuế quan lần lượt là 11.500 tấn và 500 tấn
Gạo xay xát, gạo chưa xay xát và gạo thơm	Hạn ngạch thuế quan, tổng hạn ngạch là 80.000 tấn, cụ thể: Gạo chưa xay xát: 20.000 tấn; Gạo xay xát: 30.000 tấn; Gạo thơm: 30.000 tấn
Gạo tằm	Xóa bỏ thuế quan sau 5 năm
Sản phẩm từ gạo	Xóa bỏ thuế quan trong vòng 7 năm
Ngô ngọt	Hạn ngạch thuế quan 5.000 tấn
Tinh bột sắn	Hạn ngạch thuế quan 30.000 tấn

Mật ong	Xóa bỏ hoàn toàn thuế quan ngay
Đường và các sản phẩm chứa hàm lượng đường cao	Hạn ngạch thuế quan: 10.000 tấn đường trắng và 10.000 tấn sản phẩm chứa trên 80% đường
Rau củ quả, rau củ quả chế biến, nước hoa quả	Phần lớn xóa bỏ thuế quan ngay
Tỏi	Hạn ngạch thuế quan: 400 tấn
Túi xách, vali	Phần lớn xóa bỏ thuế quan ngay
Sản phẩm nhựa	Phần lớn xóa bỏ thuế quan ngay
Sản phẩm gốm sứ thủy tinh	Phần lớn xóa bỏ thuế quan ngay

Nguồn: Bộ Công Thương Việt Nam, Ủy ban châu Âu

b. Cam kết mở cửa thị trường hàng hóa của Việt Nam

- Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực cho hàng hóa của EU thuộc 65% số dòng thuế trong biểu thuế.
- Trong vòng 10 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ trên 99% số dòng thuế trong biểu thuế. Số dòng thuế còn lại sẽ áp dụng hạn ngạch thuế quan với mức thuế trong hạn ngạch là 0%.

Bảng 2: Tổng hợp cam kết mở cửa của Việt Nam đối với một số nhóm hàng hóa quan trọng của EU

Sản phẩm	Cam kết của Việt Nam
Hầu hết máy móc, thiết bị, đồ điện gia dụng	Xóa bỏ thuế ngay hoặc trong vòng 5 năm
Xe máy có dung tích xi lanh trên 150 cm ³	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm
Ô tô (trừ loại có dung tích xi lanh lớn)	Xóa bỏ thuế trong vòng 10 năm
Ô tô có dung tích xi lanh lớn (trên 3000 cm ³ với loại dùng xăng hoặc trên 2500 cm ³ với loại dùng diesel)	Xóa bỏ thuế trong vòng 9 năm
Phụ tùng ô tô	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm
Dược phẩm	Khoảng một nửa số dòng thuế nhóm dược phẩm sẽ được xóa bỏ thuế ngay, phần còn lại trong vòng 7 năm
Vải dệt (textile fabric)	Xóa bỏ thuế ngay
Hóa chất	Khoảng 70% số dòng thuế nhóm hóa chất sẽ được xóa bỏ thuế ngay, phần còn lại trong vòng 3,5 hoặc 7 năm
Rượu vang, rượu mạnh, bia	Xóa bỏ thuế tối đa là trong vòng 10 năm
Rượu và đồ uống có cồn	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm
Thịt lợn đông lạnh	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm
Thịt bò	Xóa bỏ thuế trong vòng 3 năm
Thịt gà	Xóa bỏ thuế trong vòng 10 năm
Các sản phẩm sữa	Xóa bỏ thuế tối đa là trong vòng 5 năm
Thực phẩm chế biến	Xóa bỏ thuế tối đa là trong vòng 7 năm

Nguồn: Bộ Công Thương Việt Nam, Ủy ban châu Âu

c. Cam kết về thuế xuất khẩu

Việt Nam và EU cam kết không áp dụng bất kỳ loại thuế, phí XK nào trừ các trường hợp được bảo lưu (của Việt Nam). Theo nguyên tắc này, trừ các trường hợp có bảo lưu, Việt Nam và EU sẽ không áp dụng loại thuế, phí nào riêng đối với hàng XK mà không áp dụng cho hàng tiêu thụ nội địa, không áp dụng mức thuế, phí đối với hàng XK cao hơn mức áp dụng cho hàng tiêu thụ nội địa.

Bảo lưu của Việt Nam về các thuế XK với các nội dung chủ yếu như sau: Việt Nam duy trì đánh thuế XK đối với 57 dòng thuế, gồm các sản phẩm như cát, đá phiến, đá granit, một số loại quặng và tinh quặng, dầu thô, than đá, than cốc, vàng,... Trong số này, các dòng thuế hiện nay đang có mức thuế XK cao sẽ được đưa về mức 20% trong thời gian tối đa là 5 năm (riêng quặng măng-gan sẽ được giảm về 10%); các sản phẩm còn lại duy trì mức thuế XK hiện hành. Với toàn bộ các sản phẩm khác, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế XK theo lộ trình tối đa là 15 năm.

d. Cam kết về hàng rào phi thuế

+ *Rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT):*

Hai bên thỏa thuận tăng cường thực hiện các quy tắc của Hiệp định về các Rào cản kỹ thuật đối với thương mại của WTO (Hiệp định TBT), trong đó Việt Nam cam kết tăng cường sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong ban hành các quy định về TBT của mình. Hiệp định có 01 phụ lục riêng quy định về các hàng rào phi thuế đối với lĩnh vực ô tô, trong đó Việt Nam cam kết công nhận toàn bộ Chứng chỉ hợp chuẩn đối với ô tô (COC) của EU sau 5 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực. Việt Nam cam kết chấp nhận nhãn “sản xuất tại EU” (Made in EU) cho các sản phẩm phi nông sản (trừ dược phẩm) đồng thời vẫn chấp nhận nhãn xuất xứ cụ thể ở một nước EU.

+ *Các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS):* Việt Nam và EU đạt được thỏa thuận về một số nguyên tắc về SPS nhằm tạo điều kiện cho hoạt động thương mại đối với các sản phẩm động vật, thực vật. Đặc biệt, Việt Nam công nhận EU như một khu vực thống nhất khi xem xét các vấn đề về SPS.

+ *Các biện pháp phi thuế quan khác:* Hiệp định cũng bao gồm các cam kết theo hướng giảm bớt hàng rào thuế quan khác (ví dụ về cam kết về cấp

phép XK/NK, thủ tục hải quan...) nhằm tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai bên.

e. Phụ lục về dược phẩm

Hiệp định có một phụ lục riêng về dược phẩm (sản phẩm XK quan trọng của EU, chiếm 9% tổng NK từ EU vào Việt Nam) trong đó: Hai bên cam kết về một số biện pháp nhằm tạo thuận lợi cho thương mại dược phẩm giữa EU và Việt Nam. Việt Nam cam kết cho phép các DN đầu tư nước ngoài được NK và bán thuốc cho các nhà phân phối và các nhà bán buôn ở Việt Nam. Việt Nam có các cam kết về việc cho phép nhà thầu EU tham gia các gói thầu dược phẩm.

2. Cơ hội và thách thức đối với lĩnh vực thương mại hàng hóa của Việt Nam khi EVFTA có hiệu lực

2.1. Cơ hội

- *Về xuất khẩu*, mặc dù hiện tại EU là một trong những thị trường XK lớn nhất của Việt Nam, thị phần hàng hóa của Việt Nam tại khu vực này vẫn còn rất khiêm tốn, bởi năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam (đặc biệt là năng lực cạnh tranh về giá) còn hạn chế. Vì vậy, nếu được xóa bỏ tới trên 99% thuế quan theo EVFTA, các DN sẽ có nhiều cơ hội tăng khả năng cạnh tranh về giá của hàng hóa khi NK vào khu vực thị trường quan trọng này. Các ngành dự kiến sẽ được hưởng lợi nhiều nhất là những ngành hàng XK chủ lực của Việt Nam mà hiện EU vẫn đang duy trì thuế quan cao như: dệt may, giày dép và hàng nông sản. Điều quan trọng hơn, tiếp cận thị trường EU còn là bước đệm để Việt Nam tiếp cận các thị trường phát triển khác.

- *Về nhập khẩu*, Việt Nam là một nền kinh tế tăng trưởng nhanh với hơn 90 triệu dân, tầng lớp trung lưu đang gia tăng và có lực lượng lao động trẻ năng động. Thị trường Việt Nam cũng mang đến nhiều cơ hội cho hàng XK nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của EU. Dự báo EVFTA cũng sẽ tạo cơ hội cho Việt Nam trở thành một trong những thị trường ô tô phát triển nhanh nhất trong khu vực ASEAN trong 20 năm tiếp theo. Theo đánh giá của Hiệp hội Doanh nghiệp EU tại Việt Nam (EuroCham), việc thực thi và tác động của Hiệp định này sẽ đem đến những thay đổi vượt bậc về xuất nhập khẩu giữa EU và Việt Nam.

Bên cạnh đó, các DN Việt Nam cũng sẽ được lợi từ nguồn hàng hóa, nguyên liệu NK với chất lượng tốt và ổn định với mức giá hợp lý hơn từ EU.

Đặc biệt, các DN sẽ có cơ hội được tiếp cận với nguồn máy móc, thiết bị, công nghệ/kỹ thuật cao từ các nước EU, qua đó để nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm của mình. Khi Hiệp định được thực thi, các DN Việt Nam sẽ được tiếp cận với khu vực kinh tế bao gồm 27 nước thành viên, dân số khoảng 500 triệu người, GDP chiếm gần 20% tổng GDP toàn cầu. Đồng thời, hàng hóa từ EU nhập khẩu vào Việt Nam sẽ tạo ra một sức ép cạnh tranh để DN Việt Nam nỗ lực cải thiện năng lực cạnh tranh của mình.

- *Về phát triển ngành:* Các ngành thủy sản, dệt may, da giày – túi xách... sẽ được cắt giảm thuế tới gần 90%, trong đó có những dòng thuế được xóa bỏ hoàn toàn. Thủy sản là một trong những ngành tiềm năng và chủ lực của Việt Nam sẽ là ngành được hưởng lợi nhiều nhất từ EVFTA. Mặt hàng thủy sản từ mức thuế vào khoảng 35% sẽ giảm về 0%. Đây sẽ là lợi thế tạo thuận lợi cho ngành thủy sản Việt Nam vươn lên phát triển mạnh và có đủ sức cạnh tranh với sản phẩm của các nước khác. EU cũng sẽ cho phép NK có hạn ngạch một số sản phẩm nông nghiệp nhạy cảm của Việt Nam vào thị trường nội địa thông qua việc miễn thuế theo hạn ngạch (gạo, cá ngừ đóng hộp, cá viên, ngô ngọt, đường và các sản phẩm chứa nhiều đường...). Cùng với đó, Việt Nam sẽ bãi bỏ ngay thuế NK đối với hơn 59% mặt hàng từ Liên minh kinh tế Á – Âu, bao gồm thịt, bột mì, rượu, thiết bị cơ khí, sản phẩm thép... Đối với một số sản phẩm của EU như xe gắn máy có dung tích động cơ 1500cc, phụ tùng ô tô và phân nửa các loại dược phẩm xuất khẩu, thuế quan của Việt Nam sẽ được dỡ bỏ dần trong 7 năm.

- *Về lợi thế cạnh tranh:* EVFTA cũng tạo ra lợi thế cạnh tranh lớn trong thời gian ngắn hạn và trung hạn cho Việt Nam so với các nước ASEAN tại thị trường EU. EU cũng là đối tác thương mại lớn với nhiều nước ASEAN. Tuy nhiên đến nay, mới chỉ có Việt Nam và Singapore đã kết thúc đàm phán FTA với EU. Thực tế, lĩnh vực thương mại hàng hóa, diện mặt hàng XK của Việt Nam và Singapore sang EU khác nhau. Đối với các nước ASEAN khác, tiến trình đàm phán FTA với EU hiện đang tạm dừng hoặc bắt đầu chậm hơn Việt Nam. Như vậy, trong giai đoạn 10 đến 15 năm tới, với việc được hưởng mức thuế NK thấp hơn, các cơ chế tạo thuận lợi thương mại ưu đãi hơn từ EVFTA, các DN Việt Nam sẽ có lợi thế hơn hẳn so với các nước ASEAN khi tiếp cận thị trường EU. Do đó, các DN cần tận dụng lợi thế này để thâm nhập thị trường, tạo chỗ đứng vững chắc cho hàng hóa của mình trước khi phải cạnh tranh với hàng hóa tương tự từ ASEAN.

- *Về môi trường kinh doanh:* Với việc thực thi các cam kết trong EVFTA về các vấn đề thể chế, chính sách pháp luật Việt Nam sẽ có những thay đổi, cải thiện theo hướng minh bạch hơn, thuận lợi và phù hợp hơn với thông lệ quốc tế.

2.2. Thách thức

Bên cạnh những cơ hội, tham gia EVFTA thương mại hàng hóa Việt Nam không tránh khỏi những thách thức trong thiết lập, vận hành và thực thi các cam kết trong tương lai, cả từ góc độ bảo đảm các nghĩa vụ theo cam kết được triển khai đồng bộ, đầy đủ lẫn từ góc độ bảo đảm tận dụng hiệu quả các quyền theo các cam kết này.

- *Các yêu cầu về quy tắc xuất xứ có thể khó đáp ứng:* Thông thường hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA thì nguyên liệu phải đáp ứng được một tỷ lệ về hàm lượng nội khối nhất định (nguyên liệu có xuất xứ tại EU và/hoặc Việt Nam). Đây là một thách thức lớn đối với các DN Việt Nam bởi nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng XK hiện nay chủ yếu được NK từ Trung Quốc hoặc ASEAN và các nước không thuộc khối, không thuộc các đối tác có FTA với Việt Nam. Ví dụ trong ngành hàng điều, EU có quy định tương đối chặt chẽ về nguồn gốc xuất xứ với hạt điều khi xem công đoạn gia công bóc vỏ hạt điều là chế biến giản đơn nên bắt buộc mặt hàng điều nhân của Việt Nam muốn đạt nguồn gốc xuất xứ phải chế biến từ nguồn điều nguyên liệu sản xuất trong nước. Trong khi đó, Việt Nam đang NK rất nhiều điều nguyên liệu (63% nhu cầu chế biến) từ Bờ Biển Ngà, Ghana, Nigeria để sản xuất chế biến. Với ngành gỗ, Việt Nam đang NK gỗ nguyên liệu chủ yếu từ Lào và Campuchia (chiếm 39,38% tổng kim ngạch NK gỗ) là các nước ngoại khối và thường không có chứng chỉ nguồn gốc hợp pháp, do đó Việt Nam cũng khó khăn trong đáp ứng cam kết này. Điều này đặt ra yêu cầu cho Việt Nam phải tìm kiếm nguồn hàng NK nguyên liệu mới như thị trường EU,.. hoặc phát triển vùng nguyên liệu nội địa.

- *Các rào cản TBT, SPS và yêu cầu của khách hàng:* EU là một thị trường khó tính, khách hàng có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm. Các yêu cầu bắt buộc về vệ sinh an toàn thực phẩm, dán nhãn, môi trường.... của EU rất khắt khe và không dễ đáp ứng. Vì vậy, dù có được hưởng lợi về thuế quan thì hàng hóa của Việt Nam cũng phải hoàn thiện rất nhiều về chất lượng để có thể vượt qua được các rào cản này.

- *Nguy cơ về các biện pháp phòng vệ thương mại:* Thông thường khi rào cản thuế quan không còn là công cụ hữu hiệu để bảo vệ nữa, DN ở thị trường NK có xu hướng sử dụng nhiều hơn các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa và EU cũng là một trong những thị trường có truyền thống sử dụng các công cụ này nên DN Việt Nam có thể bị lúng túng về mặt pháp lý.

- *Sức ép cạnh tranh từ hàng hóa của EU:* Mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa từ EU đồng nghĩa với việc DN Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khốc liệt hơn ngay tại thị trường nội địa. Trên thực tế, đây là một thách thức rất lớn, bởi các doanh nghiệp EU có lợi thế hơn hẳn các DN Việt Nam về năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm thị trường cũng như khả năng tận dụng các FTA. Tuy nhiên, cam kết mở cửa của Việt Nam là có lộ trình, đặc biệt đối với những nhóm sản phẩm nhạy cảm, do đó EVFTA cũng là cơ hội, sức ép hợp lý để các DN Việt Nam điều chỉnh, thay đổi phương thức kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của mình. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, Việt Nam đứng thứ 90 trong 189 nền kinh tế có mức độ thuận lợi hóa về môi trường, với mức trung bình chỉ đạt 62,1/189. Các lĩnh vực được đánh giá kém thuận lợi và mức có điểm trung bình, dưới trung bình gồm: Nộp thuế (168/189); bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư (122/189); giải thể doanh nghiệp (123/189); tiếp cận điện năng (108/189) và khởi sự kinh doanh (119/189). Về năng lực cạnh tranh toàn cầu, Việt Nam được xếp hạng thứ 56/140. Trong đó các nhóm vấn đề còn trở ngại gắn với tính ổn định của chính sách, nguồn lao động có tay nghề, môi trường cạnh tranh bình đẳng, chi phí kinh doanh...

- *Thương hiệu sản phẩm Việt Nam vẫn còn yếu:* Hàng hóa Việt Nam vẫn chưa được thị trường EU biết đến, hiệu quả của công tác quảng bá và thúc đẩy các sản phẩm chưa cao, Việt Nam cũng chưa phải là quốc gia có nguồn hàng hóa chất lượng cao.

Kinh nghiệm thực thi các cam kết WTO và các FTA trước đây của Việt Nam cho thấy, các lợi ích suy đoán từ một hiệp định sẽ không đương nhiên trở thành hiện thực, cũng như vậy, các quyền và nghĩa vụ theo các cam kết không tự nhiên phát huy tác dụng. Vì vậy, cần những nỗ lực lớn để thực thi các cam kết, hiện thực hóa các lợi ích và xử lý thách thức liên quan. Với tính chất là một FTA thế hệ mới, EVFTA đặt ra những thách thức lớn cho Việt Nam không chỉ trong đàm phán mà cả trong quá trình thực thi. Việc chuẩn bị các yếu tố cần thiết cũng như xây dựng các tiêu chí, dự liệu các giải pháp để

vượt qua các thách thức này, thực thi tốt EVFTA là điều kiện tiên quyết để Việt Nam có thể đạt được những lợi ích kỳ vọng từ FTA quan trọng này.

3. Một số biện pháp tận dụng tối đa lợi ích cho lĩnh vực thương mại hàng hóa Việt Nam khi EVFTA có hiệu lực

3.1. Về phía Nhà nước

- Tạo điều kiện để vượt qua các rào cản TBT, SPS và rào cản phi thuế quan

Để giảm chi phí tuân thủ các tiêu chuẩn về TBT, SPS của EU, Việt Nam cần chủ động ký kết các thỏa thuận công nhận chung và thỏa thuận tương đương trong từng trường hợp cụ thể với EU. Việc đạt được các thỏa thuận như vậy, đặc biệt trong những lĩnh vực mà hàng XK của Việt Nam có cơ hội tiếp cận thực sự hoặc còn ở dạng tiềm năng vào thị trường EU, sẽ mang lại cho các nhà sản xuất, XK và kinh doanh Việt Nam những lợi thế so sánh lớn, được ưu tiên tiếp cận thị trường, những lợi thế này có thể tương đương hoặc thậm chí lớn hơn những nhượng bộ thuế quan trong FTA.

Nhà nước cần giúp DN nâng cao nhận thức trong việc đối phó với những rào cản phi thuế quan, hoặc đàm phán lại với đối tác NK để họ hỗ trợ các DN vượt qua rào cản. Ví dụ, thị trường EU đưa ra những tiêu chuẩn mới về hóa chất sử dụng trong các mặt hàng NK từ Việt Nam, nhưng EU cũng sẵn sàng hợp tác với Việt Nam để giúp DN nắm bắt những điểm mới này.

- Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. Những cam kết mới cùng các hành động thiết thực sẽ tỷ lệ thuận với niềm tin của các nhà đầu tư vào Việt Nam. Thực hiện đối xử bình đẳng giữa DN trong nước và nước ngoài. Giảm bớt rào cản trong đầu tư, đảm bảo tính minh bạch trong đầu tư. Bảo hộ đầu tư trong nước thông qua định hướng đầu tư nước ngoài. Tập trung đầu tư nước ngoài vào những lĩnh vực mà DN Việt Nam không có lợi thế và không có năng lực. Xây dựng cơ chế lựa chọn nhà đầu tư tốt, chọn đúng nhà đầu tư, đúng lĩnh vực, tạo điều kiện về đầu tư đối với các lĩnh vực có sức lan tỏa lớn. Cần thực hiện tốt các chính sách khuyến khích các nhà khoa học trong và ngoài nước chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, góp phần thúc đẩy sản xuất có năng suất, chất lượng và hiệu quả.

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý để đáp ứng những điều kiện về lao động, môi trường và sở hữu trí tuệ phù hợp với chuẩn mực quốc tế

Một số chính sách của Việt Nam vẫn còn khoảng cách với các cam kết quốc tế, đặc biệt trong các cam kết về sở hữu trí tuệ, lao động công đoàn và cơ chế giải quyết tranh chấp. Do đó cần phải rà soát kỹ các cam kết có liên quan đến từng ngành hàng đối chiếu với hệ thống các văn bản và tình hình thực thi chính sách hiện hành để điều chỉnh chính sách, tận dụng cơ hội và chủ động đối phó với thách thức từ hội nhập. Các chính sách về vốn, thị trường, đất đai, khoa học công nghệ,... cần được áp dụng để tăng nhanh số lượng và chất lượng DN trong lĩnh vực thương mại hàng hóa.

3.2. Về phía doanh nghiệp

- *Nâng cao chất lượng hàng hóa*: EU là thị trường có mức thu nhập cao song lại có chính sách bảo vệ người tiêu dùng chặt chẽ. Có thể nói, đây là một thị trường khó tính nên DN Việt Nam muốn XK hàng hóa vào thị trường này phải vượt qua hàng rào kỹ thuật. Bên cạnh đó, sản phẩm XK của Việt Nam muốn vào thị trường này phải có chất lượng và bảo đảm yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc... Chiến lược dài hạn của các DN Việt Nam là cần bảo đảm chất lượng hàng hóa, đáp ứng những tiêu chuẩn đặt ra; xây dựng và phát triển thương hiệu... mới có thể tạo nên sức cạnh tranh cho hàng Việt. Ngoài ra, các nhà XK cũng cần tiếp tục tận dụng những cam kết, ưu đãi từ các hiệp định đã ký kết để tiếp tục khai thác thị trường này.

- *Nâng cao năng lực cạnh tranh của DN*: DN phải nỗ lực đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm... để khẳng định vị trí trên sân nhà và tận dụng các cơ hội vươn ra thị trường EU. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ mũi nhọn mà mình có khả năng như dệt may, giày dép... và lắp ráp như ô tô, xe máy, thiết bị điện và điện tử. Mỗi DN Việt Nam cần chủ động tiếp cận các nhà đầu tư EU để phát triển ngay tại Việt Nam, đây là cơ hội để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao trình độ. Để tận dụng hiệu quả lợi ích mà Hiệp định mang lại, không còn cách nào khác là mỗi DN cần nỗ lực vươn lên, định hình cho mình những chiến lược, giải pháp mới trong việc tạo ra các sản phẩm có giá trị cao, đủ sức cạnh tranh với các đối tác nước ngoài và trụ vững trên thị trường trong nước.

- *Cộng đồng DN Việt Nam cần chủ động cập nhật thông tin về các cơ hội thị trường* mà EVFTA mang lại, đặc biệt là thông tin về ưu đãi thuế liên quan đến hàm lượng giá trị gia tăng nội địa của các hàng hóa và các hàng rào kỹ thuật khác.

Đối với các DN tư nhân: song song với quá trình tự tích lũy để mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động, các DN cần đẩy mạnh liên kết liên doanh để hình thành các hiệp hội có đủ năng lực quản lý hoạt động ngành hàng, cung cấp dịch vụ cần thiết (nghiên cứu ứng dụng, phát triển thị trường, quản lý tiêu chuẩn), phối hợp sản xuất, kinh doanh để cạnh tranh lành mạnh. DN chủ động đáp ứng các tiêu chuẩn chung của quốc tế mà EU và Việt Nam công nhận (trong cả sản xuất, chế biến, kinh doanh), sản xuất theo chuỗi khép kín kết hợp với kiểm soát chất lượng trong toàn chuỗi. Tăng cường liên kết, chủ động tìm hướng hợp tác với các đối tác nước ngoài, tham gia vào chuỗi cung ứng và chuỗi sản xuất toàn cầu. Xây dựng thương hiệu, kết nối với các hệ sản xuất kinh doanh, phát triển các vùng nguyên liệu sản xuất theo tiêu chuẩn. Xây dựng đội ngũ thiết kế, xây dựng thương hiệu cho hàng hóa Việt Nam XK sang EU, ứng dụng khoa học công nghệ mới, đảm bảo tính bền vững.

Đối với DN Nhà nước: Tiếp tục đổi mới các DN nhà nước thông qua cổ phần hóa, sắp xếp lại để giao lại cho khối tư nhân vận hành và quản lý. Các DN mạnh dạn rút lui khi hoạt động không còn hiệu quả.

Trong bối cảnh tăng cường hội nhập quốc tế hiện nay, có thể coi EVFTA vừa là mục tiêu, vừa là động lực và công cụ để Việt Nam tiếp tục tham gia sâu rộng hơn vào mạng lưới thương mại tự do toàn cầu. Việt Nam cũng đang tích cực tái cơ cấu nền kinh tế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để tạo thuận lợi hơn nữa cho các đối tác.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Công Thương (2016), *Dự án hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư của Châu Âu, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) – Sổ tay cho doanh nghiệp Việt Nam*, Hà Nội
2. Bùi Thị Việt Anh (2016), *Cơ hội và thách thức từ cam kết thương mại trong hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đối với doanh nghiệp gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam*, Báo cáo nghiên cứu EU – 38- Mutrap

3. Nguyễn Thành Công, Đặng Hồng Nhung (2016), *Tác động của hiệp định thương mại tự do liên minh châu Âu – Việt Nam đối với nền kinh tế Việt Nam*, Viện nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội Hà Nội

4. Đặng Kim Khôi, Lê Thị Hà Liên, Bùi Thị Việt Anh (2016), *Nông nghiệp Việt Nam trước thềm Hiệp định thương mại Việt Nam – EU (EVFTA): Cơ hội và thách thức*, Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn

5. Lê Thị Hà Liên (2016), *Cơ hội và thách thức từ cam kết thương mại trong hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đối với doanh nghiệp trứng, sữa và mật ong Việt Nam*, Báo cáo nghiên cứu EU – 38-Mutrap

6. Trần Công Thắng (2016), *Cơ hội và thách thức từ cam kết thương mại trong hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đối với doanh nghiệp rau quả Việt Nam*, Báo cáo nghiên cứu EU – 38- Mutrap

7. Các trang web:

- Trang web Bộ Công Thương: *Kết quả đàm phán Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và EU*, ngày 7/8/2015

- Trang web Ủy ban châu Âu: *Memo: EU and Vietnam reached agreement on free trade deal*, ngày 4/8/2015

- Trang web Trung tâm WTO và Hội nhập, Phòng Công nghiệp và thương mại Việt Nam <http://trungtamwto.vn/chuyen-de/vefta>